TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25/01/2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Hà
2. Ông Lưu Đình Tâm

- *Thư ký phiên toà*: Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Minh Nghiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn S; Sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2023, anh Nguyễn Văn S trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 23/11/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ. Kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng phải đi làm ăn xa nên tình cảm ngày càng xa cách. Mâu thuẫn kéo dài khiến cả hai vô cùng mệt mỏi. Anh và chị H đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Huyền D, sinh ngày 20/8/2015. Ly hôn, anh S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27/11/2023, chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 23/11/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên luôn xảy ra bất đồng, cuộc sống không hạnh phúc. Chị và anh S đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Huyền D, sinh ngày 20/8/2015. Ly hôn, chị đồng ý giao con cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị H được ly hôn; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Huyền D, sinh ngày 20/8/2015 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng chị H có đơn xin vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt chị H và đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho chị H theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh S có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, anh S và chị H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt anh S và chị H.

[5]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 23/11/2011 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến năm 2019 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Hiện tại, anh S và chị H đã sống ly thân đến nay hơn 05 năm, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này, cả anh S và chị H đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Nay cả anh S và chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. HĐXX nhận thấy mâu thẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị H được ly hôn.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Huyền D, sinh ngày 20/8/2015. Ly hôn, cả anh S và chị H đều thống nhất giao cháu D cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của anh S và chị H.

[7]. Về tài sản: Anh S và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Huyền D, sinh ngày 20/8/2015 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh S.

Chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn S phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí DSST là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2022/0001050 ngày 22/11/2023. Anh S đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị H. Anh S và chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc